

TỜ TRÌNH ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Phê duyệt: Phương án sử dụng lợi nhuận sau thuế, thù lao HĐQT, BKS, Tổ thư ký giúp việc năm 2008

- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tổng công ty cổ phần Tài bảo hiểm Quốc gia Việt Nam;
- Căn cứ Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên lần III;
- Căn cứ vào Báo cáo tài chính năm 2008 đã được kiểm toán của Tổng công ty cổ phần Tài bảo hiểm Quốc gia Việt Nam;

Hội đồng Quản trị trình Đại hội đồng cổ đông phê duyệt các vấn đề sau:

1. Thông qua Báo cáo tài chính đã được kiểm toán năm 2008 của Tổng công ty cổ phần tài bảo hiểm Quốc gia Việt Nam theo bảng Cân đối kế toán và Báo cáo lãi lỗ đính kèm

2. Phê duyệt phương án sử dụng lợi nhuận sau thuế năm 2008 như sau:

2.1. Lợi nhuận năm 2008:

- Lợi nhuận trước thuế: 205.094.138.191đ
- Lợi nhuận sau thuế: 159.550.950.283đ

Trong đó:

- Lợi nhuận được phân phối: 154.841.738.611đ
- Lợi nhuận không được phân phối (CLTG ngoại tệ cuối kỳ): 4.709.211.672đ

2.2. Sử dụng lợi nhuận 2008:

	Đơn vị : đồng VN
- Trích lập Quỹ dự phòng tài chính(10%)	15.484.173.861
- Trích lập Quỹ dự trữ bắt buộc (5%)	7.742.086.931
- Trích lập Quỹ đầu tư phát triển (2%)	3.096.834.772
- Chia cổ tức năm 2008(18%)	120.993.192.000
- Quỹ khen thưởng cho các đối tượng ngoài TCT (0,6 % LNTT)	1.230.000.000
- Quỹ khen thưởng Giám đốc (10% x 1 tháng lương thực hiện)	136.633.333
- Quỹ Phúc lợi của TCT(1 tháng lương thực hiện)	1.366.333.333
- Thưởng HĐQT, Ban Giám đốc, BKS, KTT (0,25% LNTT)	513.000.000

2.3. Lợi nhuận còn lại(bao gồm cả lợi nhuận của các năm trước chuyển qua là 12.458.406.589 đ): 21.447.102.642đ

Trong đó: Lợi nhuận không được phân phối (CLTG ngoại tệ cuối kỳ lũy kế đến 31/12/2008): 8.433.141.804đ

3. Phê duyệt thù lao (bao gồm cả thuế) của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, tổ thư ký giúp việc năm 2008:

- Thù lao Hội đồng quản trị: 615.282.415đ
(Mức trích tối đa theo NQ ĐHCĐ III : 616.000.000.000đ)

- Thù lao Ban kiểm soát: 307.641.207đ
(Mức trích tối đa theo NQ ĐHĐCĐ III : 308.000.000.000đ)
- Thù lao tổ thư ký(Theo NQ ĐHĐCĐ III): 52.800.000đ

Trình Đại Hội đồng cổ đông phê chuẩn./.

TM HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

Trịnh Quang Tuyền

TỜ TRÌNH ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Phê duyệt: Phương án sử dụng lợi nhuận sau thuế, thù lao HĐQT, BKS, Tổ thư ký giúp việc năm 2008

- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tổng công ty cổ phần Tài bảo hiểm Quốc gia Việt Nam;
- Căn cứ Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên lần III;
- Căn cứ vào Báo cáo tài chính năm 2008 đã được kiểm toán của Tổng công ty cổ phần Tài bảo hiểm Quốc gia Việt Nam;

Hội đồng Quản trị trình Đại hội đồng cổ đông phê duyệt các vấn đề sau:

1. Thông qua Báo cáo tài chính đã được kiểm toán năm 2008 của Tổng công ty cổ phần tài bảo hiểm Quốc gia Việt Nam theo bảng Cân đối kế toán và Báo cáo lãi lỗ đính kèm
2. Phê duyệt phương án sử dụng lợi nhuận sau thuế năm 2008 như sau:

2.1. Lợi nhuận năm 2008:

- Lợi nhuận trước thuế: 205.094.138.191đ
- Lợi nhuận sau thuế: 159.550.950.283đ

Trong đó:

- Lợi nhuận được phân phối: 154.841.738.611đ
- Lợi nhuận không được phân phối (CLTG ngoại tệ cuối kỳ): 4.709.211.672đ

2.2. Sử dụng lợi nhuận 2008:

	Đơn vị : đồng VN
- Trích lập Quỹ dự phòng tài chính(10%)	15.484.173.861
- Trích lập Quỹ dự trữ bắt buộc (5%)	7.742.086.931
- Trích lập Quỹ đầu tư phát triển (2%)	3.096.834.772
- Chia cổ tức năm 2008(18%)	120.993.192.000
- Quỹ khen thưởng cho các đối tượng ngoài TCT (0,6 % LNTT)	1.230.000.000
- Quỹ khen thưởng Giám đốc (10%x 1tháng lương thực hiện)	136.633.333
- Quỹ Phúc lợi của TCT(1 tháng lương thực hiện)	1.366.333.333
- Thưởng HĐQT, Ban Giám đốc, BKS, KTT (0,25% LNTT)	513.000.000

- 2.3. Lợi nhuận còn lại(bao gồm cả lợi nhuận của các năm trước chuyển qua là 12.458.406.589 đ): 21.447.102.642đ

Trong đó: Lợi nhuận không được phân phối (CLTG ngoại tệ cuối kỳ lũy kế đến 31/12/2008): 8.433.141.804đ

3. Phê duyệt thù lao (bao gồm cả thuế) của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, tổ thư kí giúp việc năm 2008:

- Thù lao Hội đồng quản trị: 615.282.415đ

- Thù lao Ban kiểm soát: 307.641.207đ
(Mức trích tối đa theo NQ ĐHCĐ III : 308.000.000.000đ)
- Thù lao tổ thư ký(Theo NQ ĐHCĐ III): 52.800.000đ

Trình Đại Hội đồng cổ đông phê chuẩn./.

TM HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH



Trịnh Quang Tuyền

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2008

MẪU B 01-DNBH
Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2008	31/12/2007
A. TÀI SẢN LƯU ĐỘNG VÀ ĐẦU TƯ NGẮN HẠN	100		1.895.644.003.711	588.564.079.157
I. Tiền và các khoản trong đương tiền	110	4	426.025.983.308	99.275.778.970
1. Tiền	111		56.585.983.308	39.047.778.970
2. Các khoản tương đương tiền	112		369.440.000.000	60.228.000.000
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	5	933.812.439.650	221.142.599.800
1. Đầu tư ngắn hạn	121		952.197.123.800	221.262.275.350
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	128		(18.384.684.150)	(119.675.550)
III. Các khoản phải thu	130		535.588.704.710	263.556.815.286
1. Phải thu khách hàng	131		538.357.243.735	263.962.896.982
- Phải thu hoạt động nhận Tài bảo hiểm			272.973.320.798	134.593.617.189
- Phải thu hoạt động nhượng Tài bảo hiểm			133.439.701.671	102.850.859.475
- Phải thu khác của khách hàng		6	131.944.221.266	26.516.420.318
2. Dự phòng phải thu khó đòi	139		(2.768.539.025)	(406.081.696)
IV. Hàng tồn kho			30.652.371	33.666.772
1. Hàng tồn kho	141		30.652.371	33.666.772
V. Tài sản lưu động khác	150		186.223.672	4.555.218.329
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		-	4.417.232.202
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		66.232.843	50.972.971
3. Tạm ứng	158		119.990.829	87.013.156
B. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÀ ĐẦU TƯ DÀI HẠN	200		528.251.410.597	626.710.594.484
I. Tài sản cố định	210		50.883.763.864	53.593.422.527
1. Tài sản cố định hữu hình	211	7	35.267.527.093	37.071.170.958
- Nguyên giá	212		52.763.759.130	52.063.678.053
- Giá trị hao mòn lũy kế	213		(17.496.242.037)	(15.062.307.095)
2. Tài sản cố định vô hình	217		15.616.236.771	16.502.251.569
- Nguyên giá	218		19.520.295.963	19.520.295.963
- Giá trị hao mòn lũy kế	219		(3.904.059.192)	(2.928.044.394)
II. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230		55.045.878	281.244.448
III. Các khoản đầu tư dài hạn	220	5	775.047.490.812	570.567.817.466
1. Góp vốn liên doanh	222		38.420.000.000	38.420.000.000
2. Các khoản đầu tư dài hạn khác	228		736.627.490.812	532.147.817.466
IV. Các khoản ký quỹ, ký cược dài hạn	240		2.265.110.043	2.265.110.043
1. Ký quỹ bảo hiểm	241		2.265.110.043	2.265.110.043
TỔNG CỘNG TÀI SẢN			2.723.895.414.308	1.215.278.673.641

Các thuyết minh từ trang 09 đến trang 22 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2008

MÀU B 01-DNBH
Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2008	31/12/2007
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		813.124.671.759	601.392.562.350
I. Nợ ngắn hạn	310		408.211.035.014	310.355.676.655
1. Phải trả cho người bán	313		392.160.201.415	297.364.791.594
- Phải trả hoạt động nhận Tài bảo hiểm			131.775.609.220	97.908.761.133
- Phải trả hoạt động nhượng Tài bảo hiểm			248.844.241.006	192.940.762.023
- Phải trả về hàng hóa lao vụ			11.381.200	-
- Phải trả khác			11.528.969.989	6.315.268.436
2. Người mua trả tiền trước	314		1.291.963.659	-
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	315	8	8.556.933.289	4.100.172.932
4. Phải trả người lao động	316		5.043.572.053	2.513.608.660
5. Chi phí phải trả	317		-	-
6. Các khoản phải trả, phải nộp khác	318	9	1.158.364.598	6.377.103.469
II. Nợ dài hạn	330		404.913.636.745	291.036.885.695
1. Phải trả dài hạn người bán		10	402.219.667.339	289.501.809.036
- Dự phòng phí	331		137.223.918.213	91.838.877.296
- Dự phòng bồi thường	333		175.637.898.951	120.903.488.860
- Dự phòng dao động lớn	334		89.358.050.175	76.759.442.880
2. Quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm	341		784.977.465	475.253.959
3. Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	342		1.720.074.536	946.119.825
4. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	343		188.917.407	113.702.875
B. NGUỒN VỐN	400	12	1.910.779.742.549	613.882.111.291
I. Nguồn vốn, quỹ	410		1.907.306.770.230	611.739.257.971
1. Nguồn vốn kinh doanh	411		677.184.400.000	504.138.300.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		1.104.116.030.642	45.515.630.000
3. Quỹ đầu tư phát triển	414		6.562.880.582	3.466.045.810
4. Quỹ dự phòng tài chính	415		32.814.402.909	17.330.229.048
5. Quỹ dự trữ bắt buộc	416		16.407.201.455	8.665.114.574
6. Lợi nhuận chưa phân phối	417		75.221.854.642	32.623.938.589
Trong đó: Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư ngoại tệ cuối kỳ			8.433.141.804	3.723.920.132
II. Nguồn kinh phí, quỹ khác	420		3.463.972.319	2.142.853.320
1. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	422		3.463.972.319	2.142.853.320
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN			2.723.895.414.308	1.215.274.673.641

Các thuyết minh từ trang 09 đến trang 22 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2008

MẪU B 01-DNBH

CÁC TÀI KHOẢN NGOẠI BẢNG	Đơn vị	31/12/2008	31/12/2007
1. Ngoại tệ các loại			
Đô la Mỹ	USD	5.667.538,45	7.551.395,58
Đô la Úc	AUD	86.147,05	86.149,97
Yên Nhật	JPY	3.101.729,00	3.101.971,00
Đô la Singapore	SGD	390,90	394,58
Bảng Anh	GBP	28.253,54	28.729,51
Đồng tiền chung Châu Âu	EUR	35.372,76	20.224,44
2. Nguồn vốn khấu hao cơ bản hiện có	VND	23.302.907,267	19.893.157,527



Trịnh Quang Tuyền
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 25 tháng 02 năm 2009

Lưu Thị Việt Hoa
Kế toán trưởng

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2008

MẪU B 02-DNBH
Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm	
			2008	2007
1. Thu phí nhận tái bảo hiểm	2		1.095.228.624.390	926.272.618.776
2. Các khoản giảm trừ	3		781.941.714.545	717.542.259.837
<i>Chuyển phí nhượng tái bảo hiểm</i>	4		774.858.638.244	703.674.668.231
<i>Hoàn phí</i>	5		7.083.076.301	13.867.591.606
3. (Tăng) / Giảm dự phòng phí	8		(45.383.040.917)	(24.118.255.179)
4. Hoa hồng nhượng tái bảo hiểm	9		121.482.623.381	100.251.021.875
5. Thu khác từ hoạt động kinh doanh bảo hiểm	10		22.709.075.574	21.683.450.704
6. Doanh thu thuần hoạt động kinh doanh bảo hiểm	14		412.093.567.883	306.546.576.319
7. Chi bồi thường nhận tái bảo hiểm	16		480.540.187.139	244.558.017.689
8. Các khoản giảm trừ:	17		365.949.649.854	162.228.746.649
<i>Thu bồi thường nhượng tái bảo hiểm</i>	18		365.949.649.854	162.228.746.649
9. Bồi thường thuộc phần trách nhiệm giữ lại	21		114.590.537.285	82.329.271.040
10. Tăng dự phòng bồi thường	23		57.934.210.091	23.418.169.441
11. Trích dự phòng dao động lớn trong năm	24		9.398.607.295	6.261.919.768
12. Chi khác hoạt động kinh doanh bảo hiểm	25		207.625.239.924	145.109.748.838
- Chi khác hoạt động kinh doanh nhận tái bảo hiểm	34		207.112.655.636	144.685.447.371
+ Chi hoa hồng	35		181.251.688.319	132.174.991.396
+ Chi khác	38		25.860.967.317	12.510.455.975
- Chi khác hoạt động kinh doanh nhượng tái bảo hiểm	39		512.584.288	424.301.467
13. Tổng chi trực tiếp kinh doanh bảo hiểm	41		389.548.594.595	257.419.100.887
14. Lợi nhuận gộp từ hoạt động kinh doanh bảo hiểm	42		22.544.973.288	49.427.476.232
15. Chi phí quản lý	44		54.042.791.390	23.292.542.278
16. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh bảo hiểm	45		(11.497.818.102)	26.134.932.654
17. Doanh thu hoạt động tài chính	46		223.669.363.281	48.405.579.890
18. Chi phí hoạt động tài chính	47		18.369.277.386	119.675.530
19. Lợi nhuận hoạt động tài chính	51		205.300.085.895	48.285.904.390
20. Doanh thu hoạt động khác	52		11.291.870.398	9.356.815.894
21. Lợi nhuận hoạt động khác	54		11.291.870.398	9.356.815.894
22. Lợi nhuận kế toán	53		203.094.138.191	83.787.653.148
23. Các khoản điều chỉnh tăng/ (giảm) LN chịu thuế TNDN	56		(31.263.704.873)	(5.691.571.095)
<i>Trong đó: + Lợi nhuận không chịu thuế</i>			(32.261.972.731)	(9.002.793.677)
+ Chi phí không được khấu trừ thuế			998.267.858	911.422.582
24. Lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp	59		173.330.433.318	75.696.282.053
25. Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	60	11	45.467.973.376	10.597.479.487
26. Thu nhập (chi phí) thuế thu nhập hoãn lại	61		(75.214.532)	(113.702.875)
27. Lợi nhuận sau thuế (62=59-60-56+61)	62	12	159.550.950.283	73.076.470.796
<i>Trong đó: Lãi chênh lệch tỷ giá</i>				
<i>đã đánh giá lại số dư ngoại tệ cuối kỳ</i>			4.709.211.677	403.089.542
28. Lãi trên cổ phiếu	63	13	2.352	1.873



Trịnh Quang Tuyên
Tổng Giám đốc

Lưu Thị Việt Hoa
Lưu Thị Việt Hoa
Kế toán trưởng

Hà Nội, ngày 25 tháng 02 năm 2009

Các thuyết minh từ trang 09 đến trang 22 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính